

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/DS-PT

Ngày 23 - 10 - 2018

V/v: “Tranh chấp chia thừa kế;
Đòi lại tài sản là quyền sử dụng
đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được

Ông Trương Thành Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp chia thừa kế, đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐ-PT ngày 17/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Đ, sinh năm: 1946 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M 2, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người đại diện văn bản ủy quyền ngày 08/8/2017 của nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận

- Bị đơn: Ông Võ M, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Võ Thị N, sinh năm: 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Bà Võ Thị D, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A 2, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3/. Ông Võ C, sinh năm: 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn M 2, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4/. Ông Võ B, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

5/. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

6/. Ông Nguyễn H, sinh năm: 1951 (vắng mặt)

7/. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1953 (vắng mặt)

8/. Ông Lương Văn S, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

9/. Bà Võ Thị Đ, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

10/. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

11/. Ông Nguyễn Thành L, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M 2, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Người kháng cáo:** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Võ C, ông Võ B, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ ủy quyền cho bà Võ Thị N tham gia tố tụng trình bày:**

Bà là vợ của ông Võ Đ. Vợ chồng bà sinh được 05 người con chung tên là: Võ M (H), Võ C, Võ B, Võ Thị D, Võ Thị N. Ngoài ra, ông Võ Đ có 02 người con riêng tên là Nguyễn Thị P, Nguyễn Thành L.

Ông Đ chết ngày 03/8/2014, không để lại di chúc.

Quá trình sống chung vợ chồng bà tạo lập được 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại thôn M 2, xã N, huyện N, hiện bà và ông C đang sử dụng; 1.721 m² đất (theo đo đạc thực tế là 1.867 m²) thuộc Thửa đất số 316 Tờ bản đồ số 7 xã N, tọa lạc tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 417983 ngày 04/12/2006 cho Hộ ông Võ Đ (Đ) bà Đ, hiện ông M đang quản lý, sử dụng.

Khi ông Đ còn sống, vợ chồng ông Đ bà Đ đã phân chia đất cho các con. Cụ thể: Cho ông Võ M 03 lô = 702 m², cho ông Võ B 01 lô (9m x 26m) = 234 m², cho bà Võ Thị N 01 lô (7m x 26m) = 182 m²; cho bà Võ Thị D 01 lô (7m x 26m) = 182 m² đất.

Đối với căn nhà cấp 4 tọa lạc tại thôn M 2, xã N, huyện N nói trên là nhà tình nghĩa do Nhà nước bỏ tiền ra xây dựng cho bà ở trên diện tích đất của cha mẹ bà để lại, nên bà không yêu cầu giải quyết.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Giao cho ông Võ B được quyền sử dụng 01 lô (9m x 26m) = 234 m² theo đo đạc thực tế là 279 m².

- Giao cho ông Võ M được quyền sử dụng 02 lô (9m x 26m) = 234 m² x 2 = 468 m², theo đo đạc thực tế là 556m².

- Giao cho bà Võ Thị N được quyền sử dụng 213 m² đất theo đo đạc thực tế.

- Giao cho bà Võ Thị D được quyền sử dụng 213 m² đất theo đo đạc thực tế.

- Diện tích đất còn lại chia thành 02 phần bằng nhau: 01 phần là tài sản riêng của bà Đ; phần còn lại chia thừa kế theo pháp luật cho bà, ông M, ông C, ông B, bà N, bà D. Phần của bà được nhận thừa kế, bà tặng cho ông Võ C.

- Bị đơn ông Võ M trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Võ Đ bà Lâm Thị Đ, là chồng của bà Nguyễn Thị P.

Ông xác nhận nội dung trình bày của bà Đ về quan hệ huyết thống là đúng sự thật.

Ngày 01/3/2011, ông Đ lập “Biên bản họp hội đồng gia tộc về việc phân chia đất cho các con”, có nội dung: Cho ông Võ M (H) 03 lô đất (02 lô mặt bắc và 01 lô mặt nam), mỗi lô là 9 m x 26 m = 234 m², 03 lô là 702 m². Sau khi được cho đất, vợ chồng ông đã xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên 234 m². Chuyển nhượng 234 m² cho vợ chồng ông Lương Văn S bà Võ Thị Đ. Việc ông Đ cho đất, vợ chồng ông xây nhà ở, chuyển nhượng cho người khác, bà Đ đều biết nhưng không có ý kiến gì. Hiện vợ chồng ông đang trồng ớt trên 01 lô đất trống còn lại.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu ông phải trả lại cho bà Đ toàn bộ diện tích đất nói trên; Chia tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà Đ; Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Đ để lại; Ông chỉ đồng ý trả lại diện tích đất là tài sản riêng của bà Đ, không đồng ý trả lại 702 m² đất ông Đ đã cho ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N, bà Võ Thị D trình bày:

Các bà là con đẻ của vợ chồng ông Võ Đ bà Lâm Thị Đ.

Các bà xác nhận nội dung trình bày của bà Đ về quan hệ huyết thống là đúng sự thật.

Ngày 04/01/2013 vợ chồng ông Đ bà Đ làm giấy tờ cho các bà, mỗi người 01 lô đất, diện tích $7m \times 36m = 252 m^2$.

Sau khi ông Đ chết, các bà yêu cầu ông Võ M chia đất cho các bà, nhưng ông M không đồng ý.

Các bà đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Phần các bà được nhận thừa kế của ông Đ, các bà tặng cho ông Võ C.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ B trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Võ Đ bà Lâm Thị Đ.

Ông xác nhận nội dung trình bày của bà Đ về quan hệ huyết thống là đúng sự thật.

Khi còn sống ông Đ đã làm giấy tờ phân chia đất cho các con như ông M trình bày. Phần đất ông được ông Đ cho là $234 m^2$ (ngang $9m \times 26m$) ông đã chuyển nhượng cho người khác.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ông từ chối không nhận di sản thừa kế của ông Đ để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ C trình bày:

Ông là con đẻ của vợ chồng ông Võ Đ bà Lâm Thị Đ.

Ông xác nhận nội dung trình bày của bà Đ về quan hệ huyết thống là đúng sự thật.

Ông đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Phần ông được nhận và được bà Đ, bà N, bà D tặng cho, ông xin nhận bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị P trình bày:

Các ông bà là con riêng của ông Võ Đ bà Nguyễn Thị S.

Sau khi sống chung với bà S một thời gian, ông Đ trở về sống chung với bà Đ, không liên lạc gì với bà S và hai con.

Các ông bà là con riêng của ông Đ, nhưng từ nhỏ chỉ sống với bà S, không được ông Đ quan tâm, nuôi dưỡng, chăm sóc các ông bà. Vì vậy, ông bà không nhận di sản thừa kế của ông Đ để lại và không tham gia tố tụng trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà là vợ của ông Võ M. Bà đồng ý với nội dung trình bày của ông M. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lương Văn S bà Võ Thị Đ trình bày:

Năm 2007, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Võ M 234 m² (9m x 26m) với giá 45.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng có làm giấy viết tay. Sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng ông bà đã xây nhà cho con ở.

Diện tích 234 m² đất vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Võ M đã được vợ chồng bà Đông Đ làm giấy cho ông M. Vì vậy, vợ chồng ông bà không đồng ý tham gia tố tụng trong vụ án này. Nếu có gì ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn H bà Trần Thị L trình bày:

Năm 2010, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Võ B 234 m² (9m x 26m) với giá 78.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng có làm giấy viết tay, có vợ chồng bà Đ ông Đ và một số người khác chứng kiến. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, vợ chồng ông bà vẫn để cho ông Võ B canh tác đất, khi nào cần vợ chồng ông bà sẽ lấy lại.

Diện tích 234 m² đất vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông B đã được vợ chồng bà Đ ông Đ làm giấy cho ông B. Vì vậy, vợ chồng ông bà không đồng ý tham gia tố tụng trong vụ án này. Nếu có gì ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

- Áp dụng: Khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 213, Điều 218, Điều 219, Điều 459, Điều 620, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản là quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N, bà Võ Thị D về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Võ Đ, bà Lâm Thị Đ với bà N, bà D.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất giữa ông Võ Đ, bà Lâm Thị Đ với ông Võ M, ông Võ B, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất giữa bà Lâm Thị Đ, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D với ông Võ Ch.

- Chia cho ông Võ M lô đất ký hiệu (ABCDEST) diện tích 335 m² (274m² + 61m²) có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam

giáp lô đất ông C được nhận; Bắc giáp đường đi. Lô đất ký hiệu (KLMN) diện tích 282 m² có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp đường đi; Bắc giáp lô đất ông B được nhận.

- Chia cho ông Võ C lô đất ký hiệu (EFRS) diện tích 242m² có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất bà Đ được nhận; Bắc giáp lô đất ông Võ M được nhận.

- Chia cho bà Lâm Thị Đ lô đất ký hiệu (FGQR) diện tích 303 m² có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất bà N được nhận; Bắc giáp lô đất ông Võ C được nhận.

- Chia cho bà Võ Thị N lô đất ký hiệu (GHQR) diện tích 213 m² có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất bà D được nhận; Bắc giáp lô đất bà Đ được nhận.

- Chia cho bà Võ Thị D lô đất ký hiệu (HIOP) diện tích 213 m² có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất ông B được nhận; Bắc giáp lô đất bà N được nhận.

- Chia cho ông Võ B lô đất ký hiệu (IKNO) diện tích 279 m² có vị trí tứ cận như sau: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất ông M được nhận; Bắc giáp lô đất bà D được nhận.

Ông Võ M có nghĩa vụ giao lại phần diện tích đất cho các đương sự được chia đất như trên và các bên đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự biến động, thay đổi đối với thửa đất số 316 tờ bản đồ số 7 xã N tọa lạc tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 417983 ngày 04/12/2006 đứng tên hộ ông Võ Đ (Đ) và bà Lâm Thị Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ C, ông Võ B, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà các ông bà phải chịu.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định về: Thụ lý xét xử phúc thẩm, chuẩn bị xét xử phúc thẩm, triệu tập những người tham gia xét xử phúc thẩm theo quy định tại các Điều 285, 286, 294 Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Toà án cấp phúc thẩm thụ lý cho vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 86, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ tài liệu, hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Võ C, bà Võ Thị D; Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ B, bà Võ Thị N; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ ủy quyền cho bà Võ Thị N; Bị đơn ông Võ M, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ B, bà Nguyễn Thị P, vợ chồng ông Nguyễn H bà Trần Thị L, vợ chồng ông Lương Văn S bà Võ Thị Đ, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

- Người kháng cáo ông Võ B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Võ B.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ không rút đơn khởi kiện; Người kháng cáo bà Võ Thị N, bà Võ Thị D, ông Võ C không thay đổi, bổ sung, không rút một phần hoặc toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Qua các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung trình bày và kết quả tranh luận của các đương sự cho thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”, “Tranh chấp chia thừa kế theo pháp luật” được quy định trong Bộ luật dân sự là có cơ sở và đúng pháp luật.

[2.1]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị N, bà Võ Thị D, ông Võ C có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà các ông bà phải chịu. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2017 (BL 10), Bản khai không ghi ngày tháng năm (BL 19), tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn Lâm Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Giao cho ông Võ M được quyền sử dụng 556 m² đất, giao cho ông Võ B được quyền sử dụng 279 m² đất, giao cho bà Võ Thị N được quyền sử dụng 213 m² đất theo đo đạc thực tế, giao cho bà Võ Thị D được quyền sử dụng 213 m² đất theo đo đạc thực tế; Diện tích đất còn lại chia thành hai phần bằng nhau, một phần là tài sản riêng của bà Đ; phần còn lại chia thừa kế theo pháp luật cho bà Đ, ông M, ông C, ông B, bà N, bà D. Phần của bà Đ được nhận thừa kế, bà tặng cho ông Võ C.

- Tại Bản tự khai không ghi ngày tháng năm (BL 25, 27), Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D trình bày: Diện tích đất 1.721 m² của Thừa số 316, Tờ bản đồ số 7, N đã được cha mẹ bà cho bà và bà Võ Thị N mỗi người 01 lô đất có diện tích 252 m² (7m x 36m). Nay cha bà đã chết, mẹ bà còn sống nhưng không thay đổi việc tặng cho. Bà yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho bà 252 m² đất; Diện tích đất còn lại Thừa số 316, Tờ bản đồ số 7, N theo đo đạc thực tế chia làm 02 phần. Một phần là của bà Đ; Một phần là di sản của ông Đ để lại chia thừa kế cho 06 người là bà Lâm Thị Đ, ông Võ M, ông Võ C, ông Võ B, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D.

- Tại Bản tự khai không ghi ngày tháng năm (BL 26, 28) bà Võ Thị N trình bày: Diện tích đất 1.721 m² của thừa số 316, Tờ bản đồ số 7, N đã được cha mẹ cùng thống nhất cho bà và bà Võ Thị D mỗi người 01 lô đất có diện tích 252 m² (7m x 36m). Nay cha bà đã chết, mẹ bà còn sống nhưng không thay đổi việc tặng cho. Do đó, bà yêu cầu Tòa án công nhận việc tặng cho bà 252 m² đất; Diện tích đất còn lại Thừa số 316, Tờ bản đồ số 7, N theo đo đạc thực tế chia làm 02 phần. Một phần là của bà Đ; Một phần là di sản của ông Đ để lại chia thừa kế cho 06 người là bà Lâm Thị Đ, ông Võ M, ông Võ C, ông Võ B, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D.

- Tại Biên bản định giá tài sản ngày 05/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản do Tòa án cấp sơ thẩm thành lập (BL 123, 124) thể hiện: Đất đang tranh chấp có giá: 1.000.000 đồng/m².

Xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ. Chia tài sản là quyền sử dụng đất, chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Võ Đ để lại; Giao cho ông Võ C được quyền sử dụng 242 m², trị giá 242.000.000 đồng và buộc ông Ch phải chịu án 12.100.000 đồng phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 242.000.000 đồng/m² x 5%); Giao cho bà Võ Thị D được quyền sử dụng 213 m², trị giá: 213 m² là 213.000.000 đồng và buộc bà D phải chịu 10.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 213.000.000 đồng x 5%); Giao cho bà Võ Thị N được quyền sử dụng 213 m², trị giá: 213 m² là 213.000.000 đồng và buộc bà N phải chịu

10.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 213.000.000 đồng x 5%) là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2106;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị N cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 Sổ hộ khẩu gia đình của ông Võ Đ (BL 217 - 221) có nội dung: Chủ hộ là ông Võ Đ, vợ bà Lâm Thị Đ; Các con: ông Võ C, ông Võ B, bà Võ Thị D, bà Võ Thị N là thành viên. Ngày 06/5/2004, bà N tách khẩu chuyển đến địa chỉ thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Ngày 31/3/2008 ông Võ B tách khẩu và chuyển đến địa chỉ thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Hiện tại, ông Võ C, bà Võ Thị D vẫn chung hộ khẩu với ông Võ Đ và ông Võ C đang sống cùng bà Đ.

Ngoài ra bà Võ Thị N còn cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 195/GCN-HNHCN ngày 05/01/2017 (BL 222), có nội dung: Ủy ban nhân dân xã N xác nhận hộ bà Lâm Thị Đ thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn trong giai đoạn 2016 – 2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị D cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 72/GCN-HNHCN ngày 15/12/2017 (BL 250) có nội dung: Ủy ban nhân dân xã X xác nhận hộ ông Trịnh Mai Hải Ng có bà Võ Thị D là vợ ông Ng thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn trong giai đoạn 2016 – 2020.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2106 quy định về các trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án; Ông Võ C, bà Võ Thị D thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Riêng bà Võ Thị N đã tách khẩu ra khỏi hộ khẩu của ông Võ Đ bà Lâm Thị Đ, bà N không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nên không được miễn tiền án phí.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Võ C, bà Võ Thị D; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Võ Thị N; Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Võ C, bà Võ Thị D.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên ông Võ C, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Võ B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những căn cứ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Áp dụng:** Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- **Tuyên xử:** Chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ C, bà Võ Thị D. Không chấp nhận nội

dung yêu cầu kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị N. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Võ B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- **Áp dụng:** Khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 148 Điều 165, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 467 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 213, Điều 218, Điều 219, Điều 459, Điều 620, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ về việc chia tài sản là quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế theo pháp luật.

- Công nhận sự việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Võ Đ bà Lâm Thị Đ và ông Võ M, ông Võ B, bà Võ Thị D, bà Võ Thị N.

- Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỷ phần thừa kế quyền sử dụng đất giữa bà Lâm Thị Đ, bà Võ Thị D, bà Võ Thị N và ông Võ C.

- Chia cho bà Lâm Thị Đ 303 m² đất, ký hiệu (FGQR), có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất bà Võ Thị N được nhận; Bắc giáp lô ông Võ C được nhận.

- Chia cho ông Võ M 335 m² (274m² + 61m²) đất, ký hiệu ABCDEST, có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất ông C được nhận; Bắc giáp đường đi.

- Chia cho ông Võ M 282 m² đất, ký hiệu (KLMN), có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp đường đi; Bắc giáp lô đất ông Võ B được nhận.

- Chia cho ông Võ C 242 m² đất, ký hiệu (EFRS), có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất bà Đ được nhận; Bắc giáp lô đất ông Võ M được nhận.

- Chia cho bà Lâm Thị Đ 303 m² đất ký hiệu (FGQR), có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất bà N được nhận; Bắc giáp lô ông Võ C được nhận.

- Chia cho bà Võ Thị N 213 m² đất, ký hiệu (GHQR), có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất bà Võ Thị D được nhận; Bắc giáp lô đất bà Lâm Thị Đ được nhận.

- Chia cho bà Võ Thị D 213 m² đất, ký hiệu (HIOP), có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất ông Võ B được nhận; Bắc giáp lô đất bà Võ Thị N được nhận.

- Chia cho ông Võ B 279 m² đất ký hiệu (IKNO), có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 320; Tây giáp đường đi; Nam giáp lô đất ông Võ M được nhận; Bắc giáp lô đất bà Võ Thị D được nhận.

Ông Võ M phải giao lại các diện tích đất nói trên cho bà Lâm Thị Đ, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D, ông Võ C, ông Võ B.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lâm Thị Đ, ông Võ M, bà Võ Thị N, bà Võ Thị D, ông Võ C, ông Võ B có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai sự biến động, thay đổi đối với Thửa đất số 316 tờ Bản đồ số 7 xã N tọa lạc tại thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận được Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AĐ 417983 ngày 04/12/2006 đứng tên hộ ông Võ Đ (Đ) và bà Lâm Thị Đ.

+ Về chi phí định giá tài sản tại Tòa án cấp sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ đồng ý chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản và đã nộp đủ chi phí định giá tài sản.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lâm Thị Đ, ông Võ C, bà Võ Thị D.

Ông Võ M phải chịu 28.680.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ B phải chịu 13.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị N phải chịu 10.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 375.000 đồng bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012130 ngày 19/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Võ Thị N còn phải chịu 10.275.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Lâm Thị Đ 2.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, do bà Võ Thị N nộp thay theo Biên lai thu tiền số 0011889 ngày 08/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Hoàn trả lại cho bà Võ Thị D 375.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do Võ Thị N nộp thay theo Biên lai thu tiền số 0012131 ngày 19/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ C, bà Võ Thị D, bà Võ Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Võ B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Võ C 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Võ Thị N nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0015747 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị D 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Võ Thị N nộp thay, theo Biên lai thu tiền số 0015748 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị N 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0015746 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Ông Võ B phải chịu 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Võ Thị N nộp thay theo Biên lai thu tiền số 0015749 ngày 07/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Kèm theo bản án là Trích lục bản đồ địa chính ngày 10/7/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh N).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Phòng HC – TP;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Hồng